

Bản án số: 120/2025/HNGĐ-ST;
Ngày: 31-3-2025;
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ĐỨC, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Vương Thị Vân Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lệ, Ông Vũ Nguyên Lâm

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Linh, Thư ký viên - Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Ông Lưu Thế Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 528/2024/TLST–HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Minh T, sinh năm 2000; nơi cư trú: Thôn N, xã A, huyện H, thành phố Hà Nội. Có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Cơ M, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn N, xã A, huyện H, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại Đơn khởi kiện, quá trình tố tụng, nguyên đơn là chị Nguyễn Minh T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh M tự nguyện đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân xã A, huyện H, thành phố Hà Nội ngày 26/12/2022.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, lối sống; từ khoảng tháng 02/2024 vợ chồng ly thân, mỗi người sống một nơi, từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai, chúng tôi tự hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Mâu thuẫn vợ chồng tôi ngày càng trầm trọng kéo dài. Nay tôi thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án cho tôi được ly hôn với anh M.

Về con chung: Tôi và anh M có 01 (một) con chung là Nguyễn Huyền A, sinh ngày 22/4/2023, cháu Huyền A đang ở cùng với tôi.

Khi ly hôn, tôi đề nghị giao cháu Huyền A cho tôi trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Tôi yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi cháu Huyền A, mỗi tháng 3.000.000đ.

Hiện nay, tôi làm nhân viên Công ty S và bán hàng qua mạng xã hội, thu nhập bình quân 10.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, công sức đóng góp, nhà ở sau khi ly hôn: Tôi và anh M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tôi và anh M không nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Tôi chịu án phí theo quy định pháp luật.

** Quá trình tố tụng, anh Nguyễn Cơ M trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Những gì chị T trình bày là đúng. Thời gian đầu chúng tôi chung sống hạnh phúc, sau dần phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, lối sống. Từ khoảng tháng 02/2024 đến nay, chúng tôi không chung sống cùng nhau, tôi vẫn điện thoại, nhắn tin cho chị T bảo chị T về nhà, cùng nhau xây dựng gia đình, nuôi dạy con cái nhưng chị T không về. Mâu thuẫn giữa tôi và chị T ngày càng trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nhưng tôi còn tình cảm với chị T, nay chị T đề nghị ly hôn, tôi không đồng ý, đề nghị Tòa án tạo điều kiện hoà giải cho chúng tôi đoàn tụ gia đình. Trường hợp chị T kiên quyết ly hôn, tôi đồng ý.

Về con chung: Tôi và chị T có 01 (một) con chung là Nguyễn Huyền A, sinh ngày 22/4/2023, cháu Huyền A đang ở cùng với chị T tại nhà bố mẹ đẻ của chị T.

Hiện nay tôi là lao động tự do, thu nhập bình quân 15.000.000đ, không có nhà thuộc sở hữu riêng.

Ly hôn, tôi đề nghị Toà án giao cháu Huyền A cho tôi trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Huyền A đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Tôi không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công sức đóng góp, nhà ở sau khi ly hôn, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Theo kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện H, thành phố Hà Nội cung cấp:*

Chị Nguyễn Minh T đăng ký kết hôn tự nguyện tại UBND xã A ngày 26/12/2022. UBND xã A đăng ký khai sinh cho con chung của chị T và anh M là Nguyễn Huyền A, sinh ngày 22/4/2023, hiện cháu Huyền A không hưởng trợ cấp tại địa phương. UBND xã A không đăng ký khai sinh cho con chung nào khác của chị T, anh M.

Ủy ban nhân dân xã A có thông tin về việc chị T và anh M mâu thuẫn nhưng không nhận được đơn đề nghị giải quyết mâu thuẫn vợ chồng và không có thông tin cụ thể về mâu thuẫn vợ chồng chị T, anh M.

Nay chị T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh M, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà:

Nguyên đơn là chị Nguyễn Minh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn anh Nguyễn Cơ M, yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, rút yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con chung; giữ nguyên quan điểm về tài sản chung, công sức đóng góp, nhà ở sau khi ly hôn, nợ chung.

Bị đơn là anh M vắng mặt tại phiên toà, không có văn bản trình bày quan điểm.

**** Quan điểm của đại diện VKSND huyện Hoài Đức tham gia phiên toà:***

Về việc thực hiện thủ tục tố tụng của Tòa án và các đương sự: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn cần nâng cao ý thức chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Minh T, cho chị T được ly hôn anh Nguyễn Cơ M.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Huyền A cho chị Nguyễn Minh T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Huyền A đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Ghi nhận chị T không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng cho anh M cho đến khi chị T có yêu cầu hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về tài sản chung, nhà ở, công nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp về ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn hiện đang cư trú tại địa bàn huyện H, Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Cơ M được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án xét xử vắng mặt anh M theo Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị T và anh M kết hôn đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục, điều kiện về kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên hôn nhân giữa chị T và anh M quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo lời khai của chị T, anh M, anh chị có nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống trong cuộc sống. Chị T không còn tình cảm với anh M nên đề nghị được ly hôn anh M.

Anh M thừa nhận vợ chồng đã ly thân khoảng tháng 02/2024 đến nay. Mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nhưng anh còn tình cảm với chị T, đề nghị Toà án tạo điều kiện hoà giải cho vợ chồng đoàn tụ gia đình, anh cũng trình bày trường hợp chị T kiên quyết ly hôn thì anh đồng ý.

Xét thấy, mâu thuẫn của chị T và anh M là có thật. Anh M đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không đến Tòa án làm việc theo triệu tập của Tòa án. Việc anh M vắng mặt tại phiên họp giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như phiên tòa chứng tỏ anh M có ý thức bỏ mặc và không muốn giải quyết mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng. Do đó, cần xác định mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh M đã đến mức trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, không còn tình cảm đối với nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Chị T yêu cầu được ly hôn anh M là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.2. Về con chung:

Chị T và anh M xác nhận có 01 (một) con chung là Nguyễn Huyền A, sinh ngày 22/4/2023, cháu Huyền A đang ở cùng với chị T.

Chị T và anh M đều có nguyện vọng nuôi cháu Huyền A và không yêu cầu người còn lại cấp dưỡng nuôi con chung.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện chị T, anh M là người có thu nhập ổn định, có điều kiện về kinh tế, điều kiện về tình cảm để nuôi dưỡng và chăm sóc con chung, đảm bảo cho con chung phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần.

Tuy nhiên, hiện cháu Huyền A là trẻ dưới 36 tháng tuổi, theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 20143. *Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con."*

Do vậy, cần giao cháu Huyền A cho chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật.

Anh M không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở; có nghĩa vụ tôn trọng

quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2.3 Về cấp dưỡng nuôi con:

Tại phiên toà, chị T rút yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi cháu Huyền A, mỗi tháng 3.000.000đ. Việc chị T rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Chị T không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi cháu Huyền A, Hội đồng xét xử ghi nhận.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Huyền A cho anh M cho đến khi chị T có yêu cầu hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

2.4 Về tài sản chung, công sức đóng góp, nhà ở sau khi ly hôn, nợ chung:

Chị T, anh M không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xét.

[3]. Về án phí:

Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[4]. Về quyền kháng cáo:

Chị T, anh M có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[5]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Minh T:

- Về quan hệ hôn nhân:

Cho chị Nguyễn Minh T được ly hôn anh Nguyễn Cơ M.

- Về con chung:

Chị T và anh M xác nhận có 01 (một) con chung là Nguyễn Huyền A, sinh ngày 22/4/2023.

Giao cháu Nguyễn Huyền A cho chị Nguyễn Minh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng cho đến khi cháu Huyền A đủ 18 (mười tám) tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Anh M không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở; có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về cấp dưỡng con chung:

Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu của chị Nguyễn Minh T về việc yêu cầu anh Nguyễn Cơ M cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng)/tháng.

Ghi nhận chị Nguyễn Minh T tự nguyện không yêu cầu anh Nguyễn Cơ M cấp dưỡng nuôi con chung.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh M cho đến khi chị T có yêu cầu hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

- Về tài sản chung, công sức đóng góp, nhà ở sau khi ly hôn, nợ chung: Chị T, anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

2. Về án phí:

Chị Nguyễn Minh T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23 số 0038716 ngày 28/11/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

3. Về quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Minh T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh Nguyễn Cơ M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND H. Hoài Đức;
- Chi cục THADS H. Hoài Đức;
- UBND xã An Thượng, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Vương Thị Vân Anh**